

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 21-9-2020  
V/v ly hôn và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Vịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Triệu Thị Mới

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, về việc Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hữu Nh - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư HTh - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt;

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị Mai Ng; nơi cư trú: Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ngày 15-7-2020); người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hữu Nh -

Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hải Thành - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt;

2. Chị Nguyễn Phi Ng1; nơi cư trú: Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 09-01-1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng qua điếm, lối sống, vợ chồng không hợp nhau về tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Ng, sinh ngày 02-8-1996 và Nguyễn Phi Ng1, sinh ngày 16-01-2000. Hiện cháu Ng đã đi làm còn cháu Ng1 đang học Đại học năm thứ hai, mọi chi phí cho việc học hành, sinh hoạt của cháu Ng1 phần lớn là do anh chu cấp. Nay, các con chung đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết, anh tự nguyện nhận chu cấp cho cháu Ng1 đến khi hoàn thành việc học.

- Về tài sản chung: Anh và chị L có các tài sản chung là: 01 Nhà trên lợp ngói tôn Proximăng, trần nhựa; 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép; lán trước nhà; cửa sắt xuống khu bếp; bể nước mưa; nhà bếp lợp ngói tôn Proximăng; nhà tắm + nhà vệ sinh; nhà để đồ; cửa lưới B40 khung sắt; tường bao dựng lưới B40, ngõ đi lán xi măng; cổng sắt. Tổng trị giá các tài sản là **202.878.960 đồng**. Toàn bộ tài sản này được xây dựng trên diện tích đất 106 m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc là 122m<sup>2</sup>), tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng (diện tích đất này là tài sản riêng của anh đã được mẹ đẻ anh là bà Trần Thị Chiu cho riêng anh để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên). Do đó, khi ly hôn, anh chỉ đồng ý chia đôi số tài sản trên diện tích đất, còn diện tích 122m<sup>2</sup> đất ở là tài sản riêng của anh, anh không đồng ý chia. Do các tài sản chung của vợ chồng là nhà và các công trình phụ nằm trên diện tích đất của anh nên anh đề nghị được sử dụng các tài sản này, anh sẽ trả cho chị L giá trị bằng tiền đối với phần chị L được hưởng.

- Về nợ chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Nguyễn Thị Mai Ng là chị Nguyễn Thị L; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hữu Nh - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hải Thành - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng cùng thống nhất trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về điều kiện, thời gian và hoàn cảnh kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung anh T trình bày là đúng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Ng, sinh ngày 02-8-1996 và Nguyễn Phi Ng1, sinh ngày 16-01-2000. Hiện các con chung đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh T có các tài sản chung: 01 Nhà trên lợp ngói tôn Proximăng, trần nhựa; 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép; lán trước nhà; cửa sắt xuống khu bếp; bể nước mưa; nhà bếp lợp ngói tôn Proximăng; nhà tắm + nhà vệ sinh; nhà để đồ; cửa lới B40 khung sắt; tường bao dựng lới B40, ngõ đi láng xi măng; cổng sắt. Tổng trị giá các tài sản là **202.878.960 đồng**, các tài sản này đều nằm trên diện tích đất 122m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra hộ gia đình chị gồm 04 người là chị, anh T và 02 con của chị và anh T có diện tích đất ở 106 m<sup>2</sup> (diện tích thực tế là 122m<sup>2</sup>) tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, ngày ngày 24-3-2003, đã được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ ông Nguyễn Văn T. Diện tích đất này có được là do mẹ chồng chị là bà Trần Thị Chiu tặng cho gia đình chị vào năm 2002. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung của vợ chồng và chia diện tích 122m<sup>2</sup> đất tneu trên làm 04 phần bằng nhau cho 04 thành viên trong gia đình; theo đó chị và cháu Mai Ng nhận phần đất phía sau khoảng 50m<sup>2</sup> còn lại phía trước là chia cho anh T và cháu Phi Ng1. Về giá trị các tài sản trên đất và giá trị của đất, chị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả của Hội đồng định giá tài sản làm căn cứ để chia.

- Về nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Do chị là người đề nghị nên chị tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Nguyễn Thị Mai Ng - Luật sư Nguyễn Hữu Nh nhất trí với ý kiến trình bày của chị L, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét đến tích pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định đây là tài sản chung của hộ gia đình đồng thời xem xét đến công sức đóng góp của các

bên trong khối tài sản chung để đưa ra phán quyết cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, tại phiên hòa giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Phi Ng1 trình bày: Hiện chị đã trưởng thành và nhận thức được đầy đủ cuộc sống gia đình cũng như cuộc sống chung của bố mẹ chị. Do cuộc sống hôn nhân của bố mẹ chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau, không có khả năng hàn gắn nên chị đề nghị tòa án xem xét giải quyết nguyện vọng của bố mẹ chị theo quy định của pháp luật.

Đối với khối tài sản là diện tích đất ở 106 m<sup>2</sup>, thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Đây là tài sản riêng của bố mẹ chị, do chị còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì vào việc tạo dựng khối tài sản này nên chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hiện chị đang học năm thứ hai trường Đại học Khoa học và xã hội nhân văn Hà Nội, mọi chi phí sinh hoạt, học hành của chị phần lớn là do bố chị chi trả, phần còn lại là do mẹ và chị gái chị trợ giúp. Trong thời gian được nghỉ chị vẫn thường về nhà ở cùng với bố chị còn mẹ chị đi làm ăn xa rất ít khi ở nhà. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của bị đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; thành lập Hội đồng định giá và định giá tài sản để xác định rõ diện tích đất đang tranh chấp cũng như xác định giá trị các tài sản tranh chấp và xác định được tổng giá trị các tài sản đang tranh chấp của anh T và chị L là 1.203.279 (Một tỷ hai trăm linh ba triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn) đồng. Trong đó: Diện tích 122m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng có giá trị là 1.000.400.000 đồng; các tài sản và vật kiến trúc trên diện tích đất có trị giá là 202.878.960 đồng.

Tại Công văn số 124/TNMT ngày 28-3-2020, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo giải thích về việc trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003, đối với diện tích 106m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB đã ghi tên người sử dụng đất là “*hộ ông Nguyễn Văn T*” như sau: “*Thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, diện tích 106m<sup>2</sup> có nguồn gốc là đất tổ tiên để lại cho ông Lũng, bà Chiu (bố mẹ ông T). Ông Lũng mất năm 1993, năm 2002 bà Trần Thị Chiu đã làm đơn xin chuyển quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào đơn của bà Chiu; UBND xã Nhân Hòa lập hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất trình UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T. Trên trang 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ghi Hộ ông Nguyễn Văn T là không đúng với hồ sơ và quy định về ghi tên người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quy định tại mục I, phần III thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai,*

*lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vậy thửa đất trên là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T nhận quyền sử dụng từ bố mẹ ông T”*

*Tại Công văn số 310/TN&MT ngày 18-8-2020, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo giải thích về sự chênh lệch giữa diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003 với diện tích đất thực tế sử dụng thì diện tích đất tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003 được xác định là 122m<sup>2</sup>.*

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Nguyễn Văn Bang, bà Nguyễn Thị Roan, bà Nguyễn Thị Dâu, Nguyễn Thị Tâm và Nguyễn Thị Thủy (là anh chị em ruột của anh Nguyễn Văn T) đều xác nhận nguồn gốc diện tích đất tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng là của cụ Lũng và cụ Chiu. Nay, những người này đã có cuộc sống riêng không còn liên quan gì đến diện tích đất này nên đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về Ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và đúng về thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 213; 219; 223 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 164 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 46, 48 Luật đất đai năm 2003; các điều 33; 43; 55; 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6; khoản 6 Điều 26; điểm a, b khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Đề nghị không xem xét giải quyết

+ Về tài sản chung: Đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng anh T và chị L như sau:

Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 122m<sup>2</sup> đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003. Tổng trị giá tài sản theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản là **1.203.278.960** đồng.

Anh T phải có nghĩa vụ hoàn trả bằng tiền cho chị L  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản trên diện tích 122m<sup>2</sup> đất và 20%/tổng giá trị diện tích 122m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003, đối với công sức đóng góp trong việc duy trì, tôn tạo làm tăng giá trị diện tích đất trên của chị L. Tổng số tiền buộc anh T phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị L là 301.520.000 đồng (Ba trăm linh một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Anh T, chị L và chị Nguyễn Thị Mai Ng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án về ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T và bị đơn là chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú và tài sản tranh chấp tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt tại phiên tòa. Như vậy, cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 09-01-1995. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị L chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô xát với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn với chị L, chị L cũng đồng ý, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

[4] Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai Ng, sinh ngày 02-8-1996 đã trưởng thành và Nguyễn Phi Ng1, sinh ngày 16-01-2000 hiện đang học Đại học năm thứ hai, mọi chi phí cho việc học hành, sinh hoạt của cháu Ng1 do anh T tự nguyện nhận chịu các chi phí này. Mặt khác cả anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T và chị L cùng thống nhất vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 Nhà trên lợp ngói tôn Proximăng, trần nhựa; 01 nhà mái bằng bê tông cốt thép; 01 lán trước nhà; 01 cửa sắt xuống khu bếp; 01 bể nước mưa; 01 nhà bếp lợp ngói tôn Proximăng; nhà tắm + nhà vệ sinh; nhà để đồ; cửa lới B40 khung sắt; tường bao dựng lới B40, ngõ đi lán xi măng; cổng sắt, các tài sản này đều nằm trên diện tích đất 122m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Tổng trị giá các tài sản là **202.878.960** đồng.

[6] Chị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng: Ngoài những tài sản chung của chị L và anh T như nêu trên thì gia đình chị L có tài sản chung của hộ gia đình là diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Tài sản này có được là do năm 2002 mẹ chồng chị L là cụ Trần Thị Chiu tặng cho gia đình chị L gồm 04 thành viên là: Chị, anh T và hai con là Nguyễn Thị Mai Ng và Nguyễn Phi Ng1 đến ngày 24-3-2003, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Do đó, chị L đề nghị Tòa án chia diện tích đất này thành 04 phần bằng nhau và chia bằng hiện vật. Còn anh T cho rằng diện tích đất này là tài sản riêng của anh, năm 2002 mẹ đẻ anh là cụ Trần Thị Chiu tặng cho riêng anh làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Do đó, anh không đồng ý chia phần diện tích đất này như đề nghị của chị L và Luật sư. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, lời khai người làm chứng và căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Vĩnh Bảo cung cấp thì thể hiện: Nguồn gốc diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản

đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng là của cụ Nguyễn Văn Lũng và cụ Trần Thị Chiu (là bố và mẹ đẻ anh T để lại). Năm 2002 cụ Chiu đã tách diện tích đất nêu trên cho anh Nguyễn Văn T (việc tách đất này những người con của cụ Lũng và cụ Chiu đều biết và không có ý kiến gì), đến ngày 24-3-2003 được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L và chị Nguyễn Thị Mai Ng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cụ Chiu đã tặng cho diện tích đất 122m<sup>2</sup> nêu trên cho hộ gia đình anh T, chị L mà chỉ có căn cứ duy nhất là trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517, ngày 24-3-2003 của UBND huyện Vĩnh Bảo ghi là Hộ ông Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định diện tích đất này là của hộ gia đình. Tuy nhiên, nội dung này cũng đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo giải thích bằng Công văn số 124/TNMT ngày 28-3-2020, cụ thể: *“Thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, diện tích 106m<sup>2</sup> có nguồn gốc là đất tổ tiên để lại cho ông Lũng, bà Chiu (bố mẹ ông T). Ông Lũng mất năm 1993, năm 2002 bà Trần Thị Chiu đã làm đơn xin chuyển quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn T. Căn cứ vào đơn của bà Chiu; UBND xã Nhân Hòa lập hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất trình UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T. Trên trang 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ghi Hộ ông Nguyễn Văn T là không đúng với hồ sơ và quy định về ghi tên người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quy định tại mục I, phần III thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vậy thửa đất trên là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T nhận quyền sử dụng từ bố mẹ ông T”*. Do đó, yêu cầu chia tài sản của hộ gia đình là diện tích 122m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003, của chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị Mai Ng là không có căn cứ và không được chấp nhận. Nhưng để duy trì, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị diện tích đất nêu trên cũng có một phần công sức đóng góp của chị L kể từ năm 2002 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử tính công sức đóng góp gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị diện tích đất cho chị L là 20%/tổng giá trị diện tích 122m<sup>2</sup> đất là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho chị L. Đối với chị Nguyễn Thị Mai Ng, Nguyễn Phi Ng1 do còn nhỏ, không có công sức gì trong việc duy trì, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị diện tích đất nên Hội đồng xét xử không tính công sức đóng góp cho chị Ng và chị Ng1.

[7] Tài sản chung của vợ chồng anh T và chị L cần được chia: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ các tài sản trên diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy



chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T; cụ thể: Anh T được hưởng 101.439.480 đồng; chị L được hưởng 101.439.480 đồng.

[8] Do diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng được xác định là tài sản riêng của anh T và theo đề nghị của anh T. Do đó, cần giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng trên diện tích đất này cho anh T quản lý sử dụng; anh T phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền đối với phần tài sản mà chị L được hưởng là **101.439.480** đồng và 20%/tổng giá trị diện tích 122m<sup>2</sup> đất đối với công sức đóng góp trong việc duy trì, tôn tạo làm tăng giá trị diện tích đất này, tương đương là 1.000.400.000 đồng x 20% = **200.080.000** đồng.

[9] Về nợ chung: Anh T và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về các chi phí tố tụng khác: Do chị L là người yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tự nguyện nhận chịu các chi phí này và đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử, không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật; chị L phải chịu toàn bộ án phí chia tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật; chị Nguyễn Thị Mai Ng phải chịu án phí phần yêu cầu độc lập không được chấp nhận theo quy định của pháp luật; chị Nguyễn Phi Ng1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 213; 219 và 223 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 46; Điều 48 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ các điều 33; 43; 55; 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 6 Điều 26; điểm a, b, e khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

## 2. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích 122m<sup>2</sup> đất và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T.

- Anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị L bằng tiền phần tài sản chung của vợ chồng mà chị L được hưởng và giá trị công sức đóng góp làm tăng giá trị của diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003 với tổng số tiền là **301.519.480** đồng (làm tròn số: 301.520.000 đồng (Ba trăm linh một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3.** Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Mai Ng về việc chia diện tích 122m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 555b, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Thôn NhM, xã NhH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 038517 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 24-3-2003.

## 4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 5.068.000 đồng án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Anh T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001485 ngày 24 tháng 6 năm 2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh T còn phải nộp 5.068.000 đồng án phí chia tài sản chung của vợ chồng.

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 15.075.974 [làm tròn số: 15.076.000 (mười lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng] án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Chị L đã nộp 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng tiền tạm ứng án phí chi tài sản chung của vợ chồng. Hoàn trả lại cho chị L số tiền là 924.000 đồng heo biên lai thu số 0001486 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Chị Nguyễn Thị Mai Ng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phần yêu cầu độc lập không được chấp nhận. Chị Ng đã nộp 20.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Hoàn trả lại cho chị Ng số tiền là 19.700.000 đồng theo biên lai thu số 0008246 ngày 15 tháng 7 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Anh T, chị L, chị Ng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Ng1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Vịnh**